Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ
website: sj.ctu.edu.vn

GIẢI PHÁP NÂNG CAO VAI TRÒ PHỤ NỮ NÔNG THÔN TRONG THAM GIA TẬP HUẤN LĨNH VỰC SẢN XUẤT LÚA TẠI THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Ông Huỳnh Nguyệt Ánh, Nguyễn Hồng Huế, Phạm Thị Kim Em, Mai Như Ý và Thị Tuyết Xuân
Viện Nghiên cứu Phát triển Đồng bằng sông Cửu Long, Trường Đại học Cần Thơ

Thông tin chung:
Ngày nhận: 07/04/2015
Ngày chấp nhận: 21/12/2015

Title:
Solutions to improve the role of rural women in rice farming and agricultural training classes in Can Tho city

Từ khóa:
Giới, phụ nữ, tập huấn, sản xuất lúa

Keywords:
Gender, women, training, rice production

ABSTRACT

This study was aimed to propose solutions for enhancing the women's role in participating the scientific and technical training of rice production in Can Tho city, particularly in O Mon and Thoi Lai districts. The survey was conducted by interviewing 120 farmers attending and not attending training classes under gender-disaggregated data. Results indicated that women are low in education level, less experience in production, spent more time for taking care of their children as well as for other economic activities. As a result, they had less opportunities to participate in the training classes. Therefore, in order to enhance training opportunities for women, local organisations should strengthen links in gender communication at the commune; extension centers need to combine trainings with economic efficiency, and women need to be more active in improving their knowledge and self-confidence by training participation.

TÓM TẮT

Nghiên cứu này nhằm tìm ra giải pháp nâng cao vai trò phụ nữ trong tham gia tập huấn khoa học kỹ thuật lĩnh vực sản xuất lúa ở thành phố Cần Thơ, cụ thể là địa bàn quận Ô Môn và huyện Thới Lai. Nghiên cứu được thực hiện bằng cách phỏng vấn 120 nông dân trong và ngoài lớp tập huấn theo số liệu tách biệt giới. Kết quả phân tích cho thấy các yếu tố như người phụ nữ trình độ học vấn thấp, có ít năm kinh nghiệm sản xuất, bận rộn chăm sóc con cái và mất nhiều thời gian vào các hoạt động kinh tế khác thì thường ít được tham gia tập huấn. Nhằm nâng cao cơ hội tập huấn cho phụ nữ, các đoàn thể địa phương cần tăng cường liên kết tuyên truyền giới trong cộng đồng, các cơ quan khuyến nông cần gắn hiệu quả kinh tế với tập huấn, người phụ nữ cần chủ động nâng cao kiến thức và sự tự tin của bản thân là các giải pháp chính yếu đã được đề ra.

1 MỞ ĐẦU

Sản xuất nông nghiệp là một phương tiện sinh kế quan trọng nên tỷ lệ phụ nữ của nền nông nghiệp Việt Nam cao hơn so với thế giới. Họ đã thực hiện nhiều hoạt động sản xuất và đóng góp đáng kể đến thu nhập gia đình. Công ước Quốc tế về Phụ nữ (CEDAW, 2005) khẳng định các nước phải bảo đảm người phụ nữ nông thôn được tham gia hưởng lợi từ quá trình phát triển nông thôn, trong đó có quyền được hưởng mọi dịch vụ khuyến nông và dịch vụ cộng đồng để nâng cao năng lực của mình.

Tuy nhiên, các dự án khuyến nông ở Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) và cả nước cho thấy trình độ học vấn và chuyên môn kỹ thuật của phụ nữ nông thôn luôn thấp so với nam giới, thái

độ định kiến của cộng đồng thể hiện rất rõ trong thành phần tham gia vào các lớp tập huấn, nam giới tham gia là chủ yếu. Như vậy, các khoá tập huấn đã chưa cung cấp hiểu biết, kiến thức và tăng cường được khả năng cho đúng đối tượng cần được hưởng lợi, đó là phụ nữ (Trần Thị Minh Đức, 2007).

Với những cơ sở nêu trên, nghiên cứu này nhằm phân tích vai trò phụ nữ và xác định các yếu tố ảnh hưởng đến sự tham gia tập huấn trong lĩnh vực sản xuất lúa nhằm đề ra giải pháp nâng cao vai trò phụ nữ trong nông hộ và đẩy mạnh khả năng tiếp cận tập huấn kỹ thuật cho họ trong bối cảnh các địa phương ở ĐBSCL nói chung và thành phố Cần Thơ nói riêng đang nỗ lực xây dựng nông thôn mới.

2 PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1 Địa bàn nghiên cứu

Chi cục Phát triển Nông thôn thành phố Cần Thơ thường xuyên mở những lớp tập huấn kỹ thuật nông nghiệp cho nông dân. Năm 2013, có 6 lớp tập huấn về Kỹ thuật sản xuất lúa cho 146 nông dân được tổ chức tại thành phố Cần Thơ. Tỷ lệ nữ nông dân tham gia vào các lớp này rất thấp. Quận Ô Môn và huyện Thới Lai là hai địa phương có mô hình sản xuất chính là chuyên canh lúa, sản lượng lúa luôn giữ vững và tăng đều qua các năm. Năm 2014, sản lượng lúa đạt 92.135 tấn, với năng suất bình quân trên 5,6 tấn/ha/năm (Sở Nông nghiệp – Phát triển nông thôn thành phố Cần Thơ, 2014). Địa phương đã và đang đẩy mạnh cơ giới hóa nông nghiệp đồng bộ và đưa các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất đồng ruộng nên được chọn là vùng nghiên cứu.

2.2 Phương pháp chọn mẫu

Chọn mẫu là hộ nông dân theo phương pháp thuận tiện có phân nhóm, cỡ mẫu là 120 nông hộ. Trong đó, có 60 hộ đã tham gia lớp tập huấn và 60 hộ không tham gia lớp tập huấn, có số liệu tách biệt giữa nam và nữ. Tất cả hộ nông dân chọn khảo sát đều thuộc mô hình sản xuất lúa chuyên canh 2-3 vụ/năm và có đất canh tác.

2.3 Phương pháp thu thập số liệu

– Số liệu thứ cấp thu thập từ Viện Nghiên cứu Phát triển Đồng bằng sông Cửu Long – Trường Đại học Cần Thơ về kết quả tổng kết lớp tập huấn tại quận Ô Môn và huyện Thới Lai giai đoạn 2014.

– Số liệu sơ cấp thu thập bằng phỏng vấn trực tiếp nông dân sản xuất chuyên canh lúa và 11 giảng viên (Đại học Cần Thơ) có tham gia giảng dạy tập huấn.

– Các số liệu tập trung khai thác thông tin về địa vị giới trong gia đình, đặc biệt là vai trò của giới trong hoạt động sản xuất lúa và tình hình tham gia tập huấn của hai giới tại địa phương.

– Số liệu thu thập trong giai đoạn từ tháng 9/2013 đến tháng 7/2014. Thời điểm phỏng vấn tháng 8/2014.

2.4 Phương pháp phân tích số liệu

Số liệu được xử lý và phân tích bằng phần mềm Excel, Stata và SPSS, ứng dụng các phương pháp thống kê sau:

– Các trị số trung bình, tỷ lệ phần trăm, tần số, kiểm định T-test được sử dụng để so sánh các tiêu chí giữa nông dân tham gia và không tham gia lớp học.

– Các yếu tố ảnh hưởng đến cơ hội tham gia tập huấn phụ nữ được xác định qua mô hình hồi quy Probit. Mô hình hồi quy được biểu diễn như sau:

$$\text{Log}_e \left[\frac{P(Y=1)}{P(Y=0)}\right] = \beta_0+\beta_1X_1+\beta_2X_2+\beta_3X_3+\beta_4X_4+\beta_5X_5+\beta_6X_6+\beta_7X_7+\beta_8X_8+\beta_9X_9+\varepsilon$$

Trong đó:

– Biến Y là biến phụ thuộc thể hiện cơ hội tham gia tập huấn, Y = 1 là có cơ hội tham gia tập huấn, Y = 0 là không có tham gia tập huấn.

– β_0: hằng số/hệ số chặn.

– X_i là các biến độc lập. Các biến độc lập được giải thích lần lượt là X_1: Tuổi của nông dân trả lời phỏng vấn (tuổi), X_2: Trình độ học vấn (lớp), X_3: Kinh nghiệm sản xuất lúa (năm), X_4 : Diện tích đất canh tác (ha), X_5: Số nhân khẩu nông hộ (người), X_6: Phụ nữ quyết định kinh tế X_7: Phụ nữ quyết định kỹ thuật sản xuất, X_8: Tiếp xúc truyền hình, X_9: Tiếp xúc cán bộ khuyến nông.

– ε: sai số ngẫu nhiên.

3 KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1 Vai trò của phụ nữ nông thôn trong nông hộ và hoạt động sản xuất lúa

Vai trò của phụ nữ nông thôn trong hoạt động nông hộ

Trong nghiên cứu này, đánh giá vai trò của phụ nữ so với nam giới trong nông hộ được thể hiện ở Hình 1 và Bảng 1. Kết quả phân tích đối với ba vai

trò chính là vai trò sản xuất, vai trò tái sản xuất và vai trò cộng đồng cho thấy nam giới nặng về vai trò sản xuất trong khi nữ giới đảm nhận cả vai trò sản xuất và vai trò tái sản xuất (Hình 1). Đặc biệt vai trò tái sản xuất của phụ nữ chiếm rất nhiều thời gian, 7,71 giờ/ngày, gồm dọn dẹp nhà cửa, giặt giũ, đi chợ, nấu cơm và chăm sóc con cái. Vai trò sản xuất của phụ nữ chiếm 3,11 giờ/ngày. Vai trò cộng đồng chiếm rất ít thời gian ở cả hai giới, 1,59 giờ đối với nam giới và 0,80 giờ đối với nữ giới. Đây là đặc trưng của nông thôn ĐBSCL.

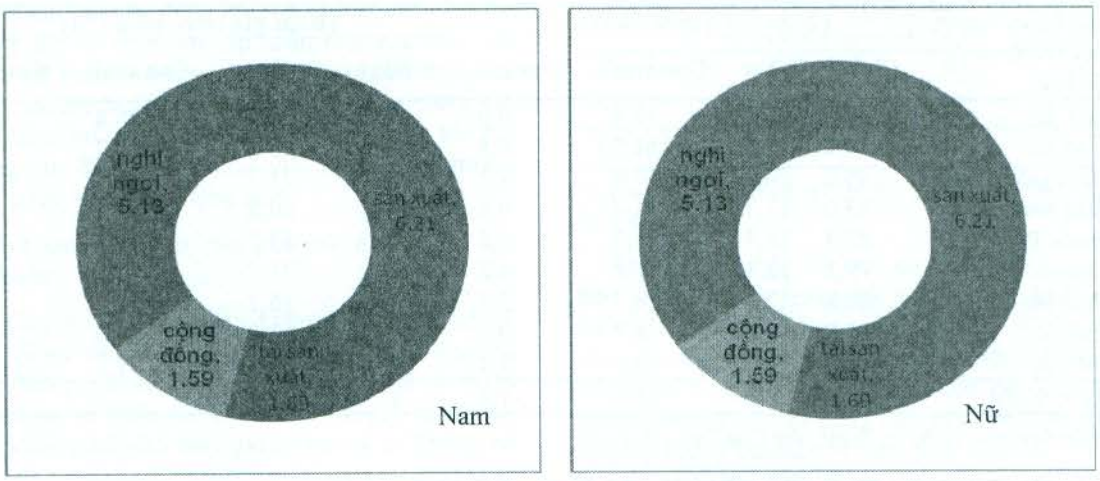

Hình 1: Vai trò giới theo mô hình bánh xe thời gian (giờ/ngày)

Số liệu điều tra 120 hộ tại thành phố Cần Thơ, 2014

Chi tiết trình bày ở Bảng 1 cũng cho thấy thời gian nghỉ ngơi của nam giới cao hơn phụ nữ. Nam giới đánh giá thời gian mà người phụ nữ sản xuất và chăm sóc gia đình ít hơn trong khi thực chất thì người phụ nữ làm việc nhiều thời gian hơn. Tương tự, nam giới nghĩ rằng phụ nữ nghỉ ngơi nhiều hơn (3,25 giờ/ngày) trong lúc thực chất phụ nữ nghỉ ngơi ít hơn (2,56 giờ/ngày).

Bảng 1: Phân công lao động trong nông hộ chuyên canh lúa

Vai trò giới	Kết quả trả lời của nam giới (giờ/ngày)		Kết quả trả lời của nữ giới (giờ/ngày)	
	Nam giới	Phụ nữ	Nam giới	Phụ nữ
Vai trò sản xuất				
Trồng trọt	5,18	1,75	5,84	2,15
Chăn nuôi	0,65	1,16	0,58	1,04
Thủy sản	0,09	0,03	0,08	0,09
Vai trò tái sản xuất				
Nội trợ	0,72	5,27	0,48	4,85
Chăm sóc con cái	1,13	2,17	1,04	3,12
Vai trò cộng đồng				
Đám tiệc	1,06	0,73	0,98	0,58
Đoàn thể	0,83	0,12	0,31	0,17
Nghỉ ngơi, giải trí				
Giải trí	0,31	0,12	0,24	0,05
Nghỉ ngơi	4,55	3,25	5,16	2,56
Tổng	14,52	14,6	14,71	14,61

Số liệu điều tra 120 hộ tại thành phố Cần Thơ, 2014

Vai trò của phụ nữ nông thôn trong hoạt động sản xuất lúa

Mô hình sản xuất chính của nông hộ vùng nghiên cứu là chuyên canh lúa với hai hoặc ba vụ mỗi năm tùy theo tình trạng đất đai và nguồn nước. Bảng 2 cho thấy hầu hết các khâu trong suốt quy trình canh tác lúa được quyết định và thực hiện bởi người chồng, với trung bình tỷ lệ tham gia quyết định là 83,8% và tham gia thực hiện là 81,7%.

Bảng 2: Vai trò giới trong hoạt động sản xuất lúa

Các khâu trong quy trình canh tác lúa	Tham gia quyết định (%)				Tham gia thực hiện (%)			
	Chồng	Vợ	Con trai	Con gái	Chồng	Vợ	Con trai	Con gái
Làm đất	89,2	16,7	13,3	0,0	86,7	27,5	25,8	5,0
Gieo sạ	78,3	14,2	11,7	0,8	85,0	25,0	24,2	3,3
Chọn giống	85,0	20,0	10,8	1,7	85,0	21,7	20,8	3,3
Phân bón	85,0	13,3	11,7	0,8	84,2	20,8	24,2	0,8
Thuốc BVTV	85,8	16,7	11,7	0,8	83,3	19,2	23,3	2,5
Làm cỏ, dặm lúa	79,2	32,5	11,7	4,2	74,2	71,7	25,8	11,7
Thuê lao động	80,8	30,0	16,7	2,5	77,5	36,7	24,2	4,2
Tồn trữ	85,8	30,0	8,3	0,0	80,0	63,3	20,0	5,8
Bán lúa	85,0	27,5	8,3	1,7	79,2	33,3	21,7	0,8
Trung bình	83,8	22,3	11,6	1,4	81,7	35,5	23,3	4,2

Số liệu điều tra 120 hộ tại thành phố Cần Thơ, 2014

Người vợ tham gia quyết định với trung bình tỷ lệ là 22,3%, tham gia thực hiện với tỷ lệ cao hơn chút ít là 35,5%. Ở các khâu lao động nhẹ như làm cỏ, dặm lúa, thuê lao động, tồn trữ và bán lúa, người vợ đóng vai trò quan trọng hơn các khâu kỹ thuật khác. Tương tự, con trai trong gia đình tham gia quyết định 11,6% và tham gia thực hiện 23,3%. Con gái đóng góp cho sản xuất không đáng kể, thấp hơn 5%. Điều này cho thấy mặc dù cùng đóng góp vào vai trò sản xuất của gia đình nhưng người vợ và các con ở thế thụ động hơn, chỉ thừa hành lệnh người chồng và ít có quyền quyết định. Tỷ lệ đóng góp cho sản xuất của con trai và con gái cũng cho thấy một dự báo cho thế hệ kế tiếp về vai trò giới trong sản xuất chưa được thay đổi theo thời gian.

Phụ nữ nông thôn trong việc tiếp cận thông tin

Nguồn thông tin có liên quan đến khoa học kỹ thuật mà nông dân có khả năng tiếp cận được đánh giá ở Hình 2. Mức độ tiếp cận thông tin (1:rất thấp…5: rất cao) của nữ giới còn rất thấp so với nam giới. Đặc biệt, hoạt động câu lạc bộ-hợp tác xã có rất ít ở địa phương và sách báo, Internet còn rất hạn chế ở vùng nông thôn, cả hai giới hầu như không tiếp cận. Đây là thách thức không nhỏ với người nông dân vì khoa học kỹ thuật đang tiến bộ hàng ngày mà người nông dân không chủ động tìm hiểu để ứng dụng sản xuất hiệu quả hơn.

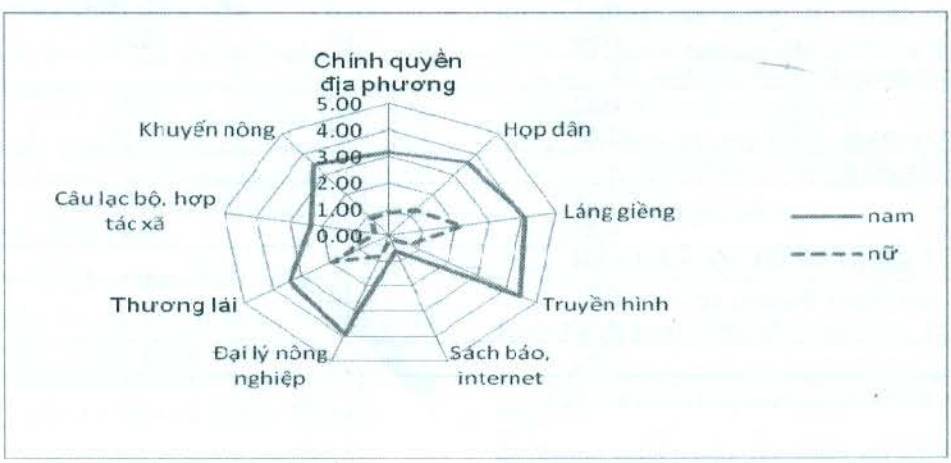

Hình 2: Mức độ tiếp cận thông tin theo số liệu tách biệt giới

Số liệu điều tra 120 hộ thành phố Cần Thơ, 2014

3.2 Sự tham gia của phụ nữ trong hoạt động khuyến nông

Tỷ lệ tham gia của phụ nữ trong các lớp tập huấn

Sự hiện diện của phụ nữ nông thôn trong các hoạt động khuyến nông thường không đáng kể. Số lượng phụ nữ tham gia tập huấn lĩnh vực sản xuất lúa là rất thấp so với nam giới. Bình quân tỷ lệ nữ trong các lớp là 12% trong khi nam chiếm 88%. Có lớp không có sự tham gia của phụ nữ trong khi lực lượng lao động nữ ở khu vực nông thôn tương đương lực lượng lao động nam.

Kết quả học tập của phụ nữ trong các lớp tập huấn

Bảng 3 cho thấy điểm kiểm tra trung bình cả nam và nữ đầu khóa là 5,73 điểm và cuối khóa là 8,25 điểm, nhìn chung người nông dân đã cải thiện kiến thức về canh tác lúa sau tham gia tập huấn. Qua kiểm định cho thấy giữa nam và nữ không có sự khác biệt điểm kiểm tra ở cả đầu và cuối khóa. Sự tiến bộ của cả hai giới được ghi nhận tương đương nhau.

Bảng 3: Kết quả học tập và sự tiến bộ theo số liệu tách biệt giới

Giới tính	Điểm trung bình		Sự tiến bộ (%)
	Đầu vào	Đầu ra	
Nam	5,53	7,97	31
Nữ	5,93	8,53	30
Trung bình	5,73	8,25	31

Nguồn: Số liệu thứ cấp (Viện NC Phát triển ĐBSCL-ĐHCT, 2014)

Hình 3 cho thấy kết quả xếp loại cuối khóa của học viên. Có bốn mức độ: trung bình, khá, giỏi, xuất sắc, không có học viên yếu kém. Kết quả so sánh cho thấy xếp loại điểm thi cuối khóa giữa nam và nữ là tương đương nhau. Điều này cho thấy người phụ nữ có khả năng tiếp thu kiến thức trong học tập tương đương với nam giới.

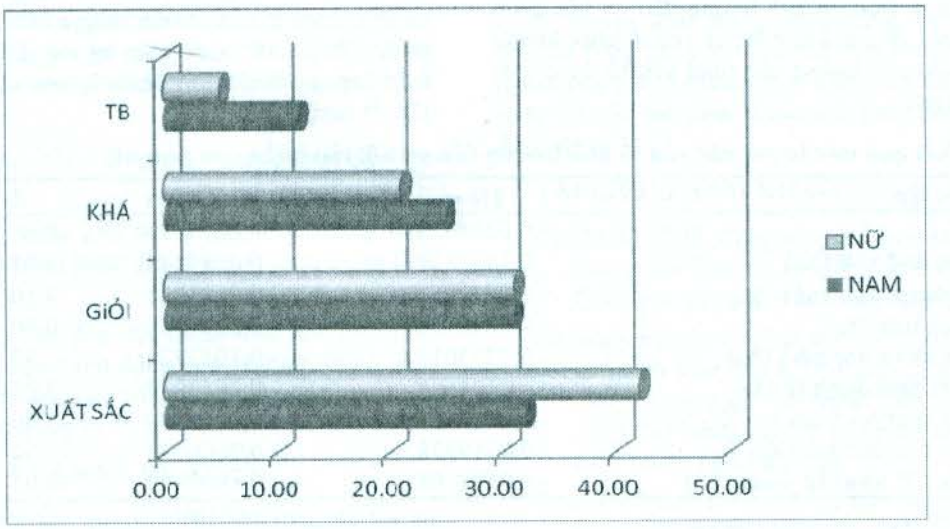

Hình 3: Phân loại kết quả học tập theo số liệu tách biệt giới (%)

Nguồn: Số liệu thứ cấp (Viện NC Phát triển ĐBSCL- ĐHCT, 2014)

Ý thức học tập của học viên nữ so với học viên nam được giảng viên đánh giá qua Bảng 4. Các đặc điểm của học viên trong học tập được so sánh với ba mức đánh giá thấp, tương đương và cao.

– Trình độ học vấn phụ nữ trong lớp được đánh giá thấp hoặc tương đương nam giới.

– Có 100% ý kiến đánh giá phụ nữ có kiến thức sản xuất thấp.

– Tính chủ động, kỳ vọng trong học tập và kỹ năng giao tiếp của phụ nữ được đánh giá không cao, tập trung ở mức tương đương hoặc thấp hơn nam giới.

– Tính kỷ luật của phụ nữ trong lớp tập huấn được đánh giá cao (77,8% ý kiến).

Bảng 4: Nhận xét của giảng viên về học viên nữ so với học viên nam

STT	Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%) theo ý kiến đánh giá		
		Thấp	Tương đương	Cao
1	Trình độ học vấn	33,3	66,7	0
2	Kiến thức sản xuất	100	0	0
3	Tính chủ động trong học tập	33,3	44,4	22,2
4	Tính kỷ luật trong học tập	11,1	11,1	77,8
5	Kỳ vọng trong học tập	44,4	33,3	22,2
6	Kỹ năng giao tiếp	33,3	55,6	11,1

Số liệu điều tra 120 hộ tại thành phố Cần Thơ, 2014

3.3 Các yếu tố ảnh hưởng đến cơ hội tham gia tập huấn của phụ nữ

Mô hình hồi quy Probit được sử dụng để ước lượng các yếu tố ảnh hưởng đến cơ hội tham gia tập huấn của phụ nữ vùng sản xuất lúa. Kết quả được trình bày ở Bảng 5.

Các yếu tố như Trình độ học vấn (X_2), Kinh nghiệm sản xuất (X_3), Số nhân khẩu (X_5), Phụ nữ quyết định chi tiêu (X_6), Tiếp xúc với cán bộ khuyến nông (X_9) có ảnh hưởng đến cơ hội tham gia tập huấn. Với giả thuyết các yếu tố khác không đổi, mức độ ảnh hưởng của từng yếu tố được giải thích như sau:

– Số nhân khẩu nông hộ (X_5) ảnh hưởng nghịch với cơ hội tham gia tập huấn của phụ nữ, mức ý nghĩa 1%. Khi số thành viên trong gia đình tăng lên 1 người thì cơ hội tham gia tập huấn giảm 19%. Trong gia đình đông con, người vợ mất nhiều thời gian cho công việc tái sản xuất, ít được ưu tiên lựa chọn đi tập huấn.

– Kinh nghiệm sản xuất (X_3) ảnh hưởng thuận với cơ hội tham gia tập huấn của phụ nữ, mức ý nghĩa 5%. Kinh nghiệm sản xuất tăng lên 1 năm thì cơ hội tham gia tập huấn tăng 1,85%. Nhiều năm kinh nghiệm sản xuất giúp người phụ nữ tiếp thu kiến thức kỹ thuật mới dễ dàng hơn và kết quả học tập tốt hơn.

Bảng 5: Kết quả ước lượng các yếu tố ảnh hưởng đến cơ hội tập huấn của phụ nữ

Biến độc lập	Hệ số β	Dy/dx	Z	P>Z
Tuổi (X_1)	- 0,0208426	- 0,0054379	- 0,61	0,543
Trình độ học vấn (X_2)	0,1492277	0,0389343	1,77	**0,076**
Kinh nghiệm sản xuất (X_3)	0,0712254	0,0185831	2,10	**0,035**
Tổng diện tích (X_4)	0,1040108	0,0271369	0,40	0,687
Số nhân khẩu nông hộ (X_5)	- 0,7333014	- 0,1913221	-3,32	**0,001**
PN quyết định kinh tế (X_6)	- 1,174699	- 0,3610972	-2,28	**0,023**
PN quyết định kỹ thuật sx (X_7)	- 0,2814528	- 0,0729589	-0,60	0,549
Tiếp xúc Truyền hình (X_8)	- 0,8719278	- 0,2606563	-1,54	0,124
Tiếp xúc CB khuyến nông (X_9)	- 0,9628108	- 0,1907793	-2,05	**0,041**
Prob > chi^2		0,0016		
Pseudo R^2		0,3471		
Log likelihood		-25,041085		

– Phụ nữ quyết định kinh tế (X_6) ảnh hưởng nghịch với cơ hội tham gia tập huấn của phụ nữ, mức ý nghĩa 5%. Người phụ nữ nắm quyền kiểm soát tài chính nông hộ giảm cơ hội tập huấn 36%. Những phụ nữ bận rộn nhiều việc khác nhau liên quan đến kinh tế gia đình sẽ không có thời gian và ít quan tâm đến tập huấn kỹ thuật.

– Tiếp xúc với cán bộ khuyến nông (X_9) ảnh hưởng nghịch với cơ hội tham gia tập huấn của phụ nữ với mức ý nghĩa 5%. Cơ hội tham gia tập huấn giảm 19% đối với phụ nữ năng động, có tiếp xúc với cán bộ khuyến nông.

– Trình độ học vấn (X_2) ảnh hưởng thuận với cơ hội tham gia tập huấn của phụ nữ với mức ý nghĩa 10%. Nếu học vấn của phụ nữ tăng lên 1 lớp thì cơ hội tham gia tập huấn tăng 3,89%. Thực tế cho thấy phụ nữ có trình độ học vấn cao dễ được lựa chọn tham gia tập huấn hơn phụ nữ trình độ thấp.

Qua ước lượng các yếu tố ảnh hưởng cho thấy những phụ nữ có trình độ học vấn cao hơn, có nhiều năm kinh nghiệm sản xuất, ít bận rộn chăm sóc con cái cũng như các hoạt động kinh tế khác thường có cơ hội tham gia tập huấn cao hơn.

3.4 Giải pháp nâng cao cơ hội tham gia tập huấn cho phụ nữ

Qua kết quả phân tích thực trạng hoạt động phụ nữ và xác định những yếu tố ảnh hưởng đến cơ hội tập huấn của phụ nữ vùng sản xuất lúa, một số giải pháp được đề ra nhằm nâng cao sự tham gia của phụ nữ nông thôn như sau:

Giải pháp đối với chính quyền địa phương và cơ quan khuyến nông

– Tăng cường sự liên kết trong hoạt động tập huấn về giới cho cán bộ địa phương, cán bộ ngành và tuyên truyền bình đẳng giới đến người dân.

– Xây dựng cộng đồng cần có trách nhiệm giới, nâng cao trình độ học vấn cho phụ nữ, tổ chức lớp học nông dân quan tâm đến đối tượng phụ nữ.

Giải pháp đối với nông dân vùng nghiên cứu

– Nam giới nên chia sẻ vai trò tái sản xuất với người vợ để phụ nữ có nhiều thời gian hơn trong việc nâng cao kiến thức sản xuất.

– Bản thân người phụ nữ cần chủ động trong tiếp cận thông tin, tự nâng cao trình độ để tự tin tham gia bàn bạc với người chồng trong quá trình ra quyết định.

Giải pháp đối với giảng viên giảng dạy tập huấn

– Lồng ghép giới trong quá trình giảng dạy, đặc biệt quá trình tham gia ra quyết định trong lĩnh vực sản xuất.

– Quan tâm đến đặc điểm sinh học giới tính và tâm lý e ngại, thụ động của phụ nữ để có biện pháp khuyến khích họ năng động hơn trong học tập và trong ứng dụng kỹ thuật mới.

4 KẾT LUẬN VÀ ĐỀ XUẤT

Từ những kết quả nghiên cứu trên, đề tài có những kết luận sau:

– Tình hình chuyển giao khoa học kỹ thuật cho nông thôn ở thành phố Cần Thơ luôn được tăng cường. Phụ nữ được đánh giá cao về tính kỷ luật trong học tập và có kết quả học tập tương đương nam giới nhưng tỷ lệ phụ nữ tham gia tập huấn là rất thấp, chỉ chiếm 12%.

– Phân tích phân công lao động theo giới cho thấy phụ nữ nông thôn vùng nghiên cứu đảm nhận vai trò tái sản xuất chiếm 7,71 giờ/ngày, vai trò sản xuất chiếm 3,11 giờ/ngày. Thời gian dành cho vai trò cộng đồng là rất thấp, 0,45 giờ/ngày. Mức độ tiếp cận các nguồn thông tin của nữ giới còn rất thấp so với nam giới.

– Phụ nữ và nam giới cùng tham gia tất cả các khâu trong quy trình sản xuất lúa nhưng quyền quyết định ở nam giới là 83,4%, người phụ nữ chỉ tham gia thực hiện và quyết định chỉ ở các khâu lao động nhẹ như làm cỏ, dặm lúa, thuê lao động, tồn trữ và bán lúa.

– Các yếu tố ảnh hưởng đến cơ hội tham gia tập huấn của phụ nữ là trình độ học vấn, kinh nghiệm sản xuất, số nhân khẩu nông hộ, phụ nữ quyết định kinh tế. Trình độ học vấn, kinh nghiệm sản xuất càng tăng thì cơ hội tham gia tập huấn của phụ nữ càng tăng, trong khi số nhân khẩu nông hộ càng nhiều, phụ nữ bận hoạt động kinh tế thì cơ hội tham gia tập huấn càng giảm.

– Nhằm nâng cao cơ hội tập huấn cho phụ nữ, các đoàn thể địa phương cần tăng cường liên kết tuyên truyền giới trong cộng đồng, các cơ quan khuyến nông cần gắn hiệu quả kinh tế với tập huấn, người phụ nữ cần chủ động nâng cao kiến thức và sự tự tin của bản thân là các giải pháp chính yếu đã được đề ra.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

CEDAW, 2005. *Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ*. Ủy ban Quốc gia Vì sự tiến bộ của phụ nữ Việt Nam.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Cần Thơ, 2014. *Tình hình sản xuất - Tiến độ sản xuất thành phố Cần Thơ năm 2014*. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Cần Thơ.

Trần Thị Minh Đức, 2007. *Phân tích yếu tố giới trong các dự án phát triển ở nông thôn Việt Nam*. Bài tham luận. Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Hà Nội.

Viện Nghiên cứu Phát triển Đồng bằng sông Cửu Long, 2014. *Báo cáo Tổng kết lớp Tập huấn Trồng lúa chất lượng cao thành phố Cần Thơ 2013-2014*. Tài liệu lưu hành nội bộ.